| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2021/DS-PT
Ngày 06 - 01 -2021
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Phương Loan

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Châu Nhật Thư là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 12 năm 2020 và ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Do bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn R, huyện H, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Bà Trần Kim H, sinh năm 1978 (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 3, thị trấn R, huyện H, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn U (Huỳnh U), sinh năm 1984 (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 3, thị trấn R, huyện H, tỉnh C.

2. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1986 (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn R, huyện H, tỉnh C.

3. Bà Trần Kim N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện H, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Kim H.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Do bà Trần Kim N là người phải thi hành án cho bà Nguyễn Thị P, bà Ngô Thị M và ông Huỳnh Văn U theo các bản án số 18/2019, 19/2019 và 20/2019 ngày 06/6/2019 với tổng số tiền phải thi hành của ba bản án là 813.425.000 đồng. Vào ngày 31/7/2019, Cơ quan thi hành án dân sự huyện H tiến hành kê biên nhà, đất của bà N để thi hành án nên bà N đã nộp số tiền 200.000.000 đồng để thi hành án cho bà P số tiền 100.000.000 đồng, thi hành án cho bà M số tiền 50.000.000 đồng và thi hành án cho ông U số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà N phải thi hành án cho bà P là 240.025.000 đồng, bà N phải thi hành án cho bà M là 123.400.000 đồng và bà N phải thi hành án cho ông U là 250.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà N còn phải thi hành án cho ba bản án là 613.425.000 đồng. Tại thời điểm này, bà Trần Kim H là chị bà N đã ký giấy bảo lãnh nợ cho bà N nợ số tiền của bà P là 500.000.000 đồng, bà Trần Kim Loan là chị bà N đã ký giấy bảo lãnh cho bà N số tiền của bà P là 100.000.000 đồng, tổng số tiền bà H và bà Loan ký bảo lãnh nợ cho bà N nợ bà P là 600.000.000 đồng để bà P, bà M và ông U rút đơn yêu cầu thi hành án. Bà P cho rằng số tiền bà Loan và bà H bảo lãnh nợ cho bà N là khoản tiền bà N còn phải thi hành án cho bà P, bà M và ông U. Bà P cho rằng bà đứng ra đại diện cho bà M và ông U làm giấy bảo lãnh nợ cho bà Loan và bà H ký tên với tổng số tiền là 600.000.000 đồng nhưng số tiền mà bà N còn phải thi hành án cho bà là 240.025.000 đồng, số tiền còn lại là của bà M và ông U. Theo thỏa thuận giữa bà P, bà M và bà U là khi bà Loan và bà H trả nợ, bà P sẽ trả tiền cho bà M và bà U. Do có biên nhận bảo lãnh nợ của bà Loan và bà H nên bà P, bà M và ông U đã tự nguyên rút đơn yêu cầu thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự huyện H đã ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với các khoản tiền còn lại của bà P, bà M và ông U. Hiện nay, bà H và bà Loan không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy bảo lãnh nợ nên bà P yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền 185.428.000 đồng, yêu cầu bà H trả cho ông U số tiền 227.000.000 đồng và trả cho bà M số tiền 87.572.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà H phải trả là 500.000.000 đồng.

- *Bị đơn, bà Trần Kim H trình bày:* Bà P thỏa thuận với bà N thế nào khi thi hành án thì bà không biết. Khi bà P đưa biên nhận nợ của bà N nợ bà P 500.000.000 đồng thì bà có ký tên bảo lãnh số nợ trên cho bà N. Tuy nhiên, khi bà ký biên nhận, bà có nói là khi nào bà N gửi tiền về trả thì bà trả cho bà P, bà không có đứng ra nhận lãnh trả nợ thay cho bà N. Do đó, hiện nay bà không đồng ý thanh

toán số tiền theo yêu cầu của bà P, ông U, và bà M. Trường hợp bà có bảo lãnh nợ thì chỉ có trách nhiệm với bà P, không liên quan đến ông U và bà M.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn U trình bày*: Vào ngày 31/7/2019, bà N còn phải thi hành án cho ông số tiền 250.000.000 đồng nhưng do bà H đồng ý bảo lãnh số nợ của bà N để bà N không phải tiếp tục thi hành án cho ông, nên ông có thống nhất để bà P đứng ra làm giấy nợ do bà N nợ bà P. Bà H đã ký giấy bảo lãnh nợ cho bà N đối với khoản tiền bà N còn phải thi hành cho ông. Đối với biên nhận 500.000.000 đồng mà bà H ký bảo lãnh nợ với bà P thì hiện nay ông yêu cầu bà H phải trả cho ông là 227.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Ngô Thị M trình bày:* Vào ngày 31/7/2019, bà N còn phải thi hành án cho bà số tiền 173.400.000 đồng Nng do bà H đồng ý bảo lãnh số nợ của bà N để bà N không phải tiếp tục thi hành án cho bà nên bà có thống nhất để bà P đứng ra làm giấy nợ do bà N nợ bà P. Bà H đã ký giấy bảo lãnh nợ cho bà N đối với khoản tiền bà N còn phải thi hành cho bà. Đối với biên nhận 500.000.000 đồng mà bà H ký bảo lãnh nợ với bà P thì hiện nay bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 87.572.000 đồng.

*Bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Htuyên xử:*

Buộc bà Trần Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 185.428.000 đồng, thanh toán cho ông Huỳnh Văn U số tiền 227.000.000 đồng và thanh toán cho bà Ngô Thị M số tiền 87.572.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/10/2020, bà Trần Kim H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng do khi bà ký giấy nhận nợ, bà không đọc nội dung nên không đồng ý trả nợ theo giấy bảo lãnh nợ bà đã ký. Bà H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử do bà N và ông Ca thiếu nợ bà P, bà M và ông U đã được giải quyết bằng các bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim H, Hội đồng xét xử xét thấy: bà P, ông U và bà M yêu cầu bà H trả tổng số tiền 500.000.000 đồng là xuất phát từ việc bà H bảo lãnh số tiền 500.000.000 đồng mà bà N còn phải thi hành án đối với ba bản án do Tòa án nhân dân huyện H xét xử buộc bà N và ông Ca phải trả cho bà P, bà M và ông U. Trong đó, bà N và ông Ca phải trả cho bà P 340.025.000 đồng, trả cho bà M 173.400.000 đồng và trả cho ông U 300.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N và ông Ca là chồng bà N phải thi hành ba bản án là 813.425.000 đồng (BL 164, 170, 176).

Tuy nhiên, vào ngày 31/7/2019, khi cơ quan thi hành án dân sự huyện H tiến hành kê biên nhà và đất của bà N và ông Ca để thi hành án thì gia đình bà N đã nộp 200.000.000 đồng để thi hành án cho bà P 100.000.000 đồng, thi hành án cho bà M và ông U mỗi người 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà N và ông Ca còn phải tiếp tục thi hành án cho bà P, bà M và ông U là 613.425.000 đồng. Tại thời điểm này, bà Loan là chị bà N đã đứng ra làm biên nhận lãnh trả nợ cho bà P 100.000.000 đồng, bà H là em bà N đã đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho bà N 500.000.000 đồng. Bà Loan và bà H có làm biên nhận ngày 31/7/2019 ( BL 181, 21), mục đích của bà Loan và bà H lãnh trả nợ thay cho bà N và ông Ca là để bà P, bà M và ông U rút đơn yêu cầu thi hành án. Do đó, bà P, bà M và ông U đã tự nguyên rút đơn yêu cầu thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự huyện H đã ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với bà P, bà M và ông U trong ngày 31/7/2019 (BL 160,169, 173). Sau khi nhận bảo lãnh nợ, bà Loan và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà P đã khởi kiện bà Loan, được bà Loan chấp nhận trả nợ cho bà P 100.000.000 đồng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 65/2019/QĐST-DS ngày 22/11/2019 (BL 200). Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng do bà H nhận bảo lãnh nợ của bà N để trả cho bà P, hiện nay bà P thừa nhận trong số tiền 500.000.000 đồng thì phần tiền của bà N còn phải thi hành án cho bà là 185.428.000 đồng, phần tiền của bà M là 87.572.000 đồng và phần tiền của ông U là 227.000.000 đồng. Vì vậy, bà P yêu cầu bà H phải trả cho bà P số tiền 185.428.000 đồng, bà M yêu cầu bà H trả số tiền 87.572.000 đồng và ông U yêu cầu bà H trả số tiền 227.000.000 đồng là có cơ sở.

[2] Tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận đã ký tên vào biên nhận bảo lãnh nợ cho bà N vào ngày 31/7/2019 nhưng bà H cho rằng giấy nhận nợ do bà P ghi sẵn đưa cho bà ký, bà không đọc nên không biết nội dung và không biết việc thỏa thuận giữa bà P và bà N như thế nào trong việc thi hành án. Tuy nhiên, bà H thừa nhận mục đích bà ký bảo lãnh nợ là để giữ lại tài sản của bà N và ông Ca không bị cơ quan thi hành án dân sự huyện H kê biên để thi hành án. Xét thấy việc bà H ký giấy bảo lãnh nợ là tự nguyện, không bị lừa dối cũng không bị ép buộc, bà H cũng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hiện nay bà H không đồng ý trả nợ cho bà P, bà M và ông U theo giấy bảo lãnh nhận nợ do bà H ký tên, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử vụ án do vụ án đã được giải

quyết bằng các bản án là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H về việc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử vụ án.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim H phải chịu theo quy định. Bà P, bà M và ông U không phải chịu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H nên bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-PT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Buộc bà Trần Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 185.428.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Buộc bà Trần Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn U số tiền 227.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Buộc bà Trần Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị M số tiền 87.572.000 đồng (Tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim H phải nộp 25.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P, bà Ngô Thị M và ông Huỳnh Văn U không phải chịu án phí. Đã qua, bà P có dự nộp số tiền 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0005954 ngày 29/10/2019. Ông Huỳnh Văn U có dự nộp số tiền 5.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006257 ngày 07/7/2020. Bà Ngô Thị M có dự nộp số tiền 2.189.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0006256 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim H phải chịu 300.000 đồng. Đã qua, bà H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006371 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Phương Loan**